

Số: 491 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 08/4/2022 đến 16h00 ngày 09/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 497,8 triệu ca, trên 6,1 triệu ca tử vong.

Ngày 8/4, Cơ quan Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Hàn Quốc (KDCA) cho biết đến nay, số ca mắc COVID-19 ở nhóm trẻ từ 0-9 tuổi là 1.846.489 ca, chiếm 49,9% dân số nhóm tuổi này. Số ca mắc ở thanh thiếu niên từ 10-19 tuổi là 1.991.775 ca, tương đương 42,4% dân số thuộc cùng nhóm tuổi. Giải thích cho tình trạng trên là do trẻ nhỏ có tỷ lệ nhiễm bệnh cao do hệ miễn dịch yếu hơn so với các nhóm tuổi khác. Ngoài ra, đây là độ tuổi cần được chăm sóc nên gia đình và người thân thường xuyên tiếp xúc, mức độ tiếp xúc càng tăng khi trẻ đi nhà trẻ, mẫu giáo.

Bệnh nhân mắc COVID-19 tăng 33 lần nguy cơ hình thành cục máu đông ở phổi trong vòng 30 ngày kể từ khi nhiễm so với người bình thường. Ngoài ra, người mắc COVID-19 cũng tăng gấp 5 lần nguy cơ bị huyết khối tĩnh mạch sâu. Phát hiện vừa được công bố trên tạp chí Y khoa Anh, giúp giải thích sự gia tăng gấp đôi tỷ lệ mắc và tử vong do cục máu đông ở Anh kể từ khi bắt đầu đại dịch COVID-19 so với cùng kỳ năm 2018 và 2019.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 09/4/2022, cả nước ghi nhận 10.169.929 ca mắc, trong đó 10.163.755 ca trong nước. Đến nay đã có 8.497.532 người khỏi bệnh, 42.768 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 10.167.077 ca, trong đó có 10.162.185 ca trong nước, 8.494.715 người đã khỏi bệnh (83,6%), 42.733 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 34.140 ca dương tính, trong đó có 34.138 ca ghi nhận trong nước tại 63 tỉnh thành phố: Hà Nội (2.202), Bắc Giang (1.956), Nghệ An (1.656), Phú Thọ (1.652), Yên Bái (1.608), Lào Cai (1.544), Đắk Lắk (1.210), Bắc Kạn (1.118), Quảng Ninh (1.097), Quảng Bình (1.037), Lạng Sơn (990), Tuyên Quang (959), Vĩnh Phúc (954), Thái Bình (931), Hải Dương (820), Thái Nguyên (793), Bắc Ninh (720), Cao Bằng (708), Hồ Chí Minh (636), Lâm Đồng (601), Hà Giang (589), Hưng Yên (538), Sơn La (520), Bình Dương (489), Hà Nam (456), Lai Châu (454), Vĩnh Long (450), Hà Tĩnh (445), Bình Định (430), Nam Định (410), Quảng Trị (408), Gia Lai (395), Hòa Bình (383), Ninh Bình (359), Bình Phước (356), Đắk Nông (348), Tây Ninh (332), Quảng Ngãi (322), Điện Biên (309), Bến Tre (283), Đà Nẵng (281), Cà Mau (278), Thừa Thiên Huế (251), Quảng Nam (251), Phú Yên (236), Thanh Hóa (226), Bà Rịa - Vũng Tàu (197), Hải Phòng (132), Khánh Hòa (119), Kiên Giang (116), Long An (94), Bình Thuận (90), An Giang (88), Trà Vinh (87), Bạc Liêu (67), Ninh Thuận

(36), Kon Tum (27), Sóc Trăng (23), Cần Thơ (22), Đồng Nai (21), Đồng Tháp (15), Hậu Giang (10), Tiền Giang (3) và 2 ca nhập cảnh ghi nhận tại Bắc Kạn (1), An Giang (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Lâm Đồng (+601), Hồ Chí Minh (+193), Bình Dương (+187).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Hà Nội (-695), Bắc Giang (-546), Yên Bái (-507).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 8.494.715 người đã khỏi bệnh (83,6%), tăng 41.857 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.629.629 trường hợp, trong đó có 1.551 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 1.070 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 237; (3) Thở máy không xâm lấn: 41; (4) Thở máy xâm lấn: 201; (5) Thở ECMO: 2.

- Trong ngày 08/4, ghi nhận 35 trường hợp tử vong (tăng 14 ca so với ngày trước đó), tại: Đắk Lắk (4), Lào Cai (4 ca trong 2 ngày), Hậu Giang (3 ca trong 2 ngày), Thái Nguyên (3 ca trong 2 ngày), Trà Vinh (3), An Giang (1), Bắc Kạn (1), Bến Tre (1), Bình Định (1), Bình Thuận (1), Cao Bằng (1), Đồng Tháp (1), Hà Nội (1), Hà Tĩnh (1), Kiên Giang (1), Lâm Đồng (1), Lạng Sơn (1), Nam Định (1), Nghệ An (1), Phú Thọ (1), Quảng Trị (1), Sóc Trăng (1), Tây Ninh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế chuẩn bị và báo cáo tại họp phiên lần thứ 14 của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19. Phiên họp được tổ chức trực tuyến với 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bộ Y tế ban hành công văn số 1815/BYT-CNTT ngày 08/4/2022 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Các cơ sở tiêm chủng trực thuộc Bộ Y tế; Y tế Bộ, ngành về việc chuẩn bị triển khai tiêm vắc xin cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi.

- Ngày 08/4/2022, Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thanh Long điện đàm về tăng cường hỗ trợ hợp tác y tế với Giám đốc WHO khu vực Tây Thái Bình Dương.

- Ngày 08/4/2022, Bộ Y tế tổ chức lễ ký Giấy chứng nhận bàn giao lô vắc xin thứ ba và thứ tư do Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa viện trợ Chính phủ Việt Nam.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch, sự xuất hiện của các biến chủng mới; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về các biến chủng .

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 07/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.639.616 mẫu cho 88.646.766 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.899.919 mẫu tương đương 84.898.827 lượt người, tăng 47.642 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.999.864 mẫu gộp cho 49.528.728 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Từ tháng 3/2021 đến ngày 09/4/2022, đã tiếp nhận 232,6 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=2+3+4+5	
1	AstraZeneca	31.436.236	33.786.840	13.572.980	19.827.460	386.400	65.223.076
2	Pfizer	50.999.130	43.324.890	38.732.850	4.592.040	0	94.324.020
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	125.209.088	66.403.390	31.942.300	26.863.398	232.644.454
II	Số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin còn lại chưa phân bổ						26.913.910

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 232,6 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 26,9 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 08/4/2022

Cả nước đã tiêm 208.460.812 liều (*trong ngày tiêm được 200.334 liều*), tỷ lệ sử dụng đạt 101,6% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ²	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	100%	51,1%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,9%	95,3%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 191.231.565 liều:

+ Mũi 1: 71.382.954 liều

+ Mũi 2: 69.982.851 liều³; Mũi bổ sung: 15.003.297 liều.

+ Mũi 3: 34.862.463 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.229.247 liều:

+ Mũi 1: 8.819.644 liều

+ Mũi 2: 8.409.603 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

² 26,9 triệu liều chưa phân bổ gồm: 8,8 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 0,1 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Singapore viện trợ; 0,2 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Hungary tài trợ; 14,7 triệu liều Pfizer và 0,5 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ, 0,3 triệu liều AstraZeneca do Thái Lan viện trợ.

³ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Bao gồm 1.505.511 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

VIII. Nhận định

Tại Việt Nam, dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Từ cuối tháng 12/2021, sau khi ghi nhận ca mắc đầu tiên biến thể Omicron, số mắc cả nước tăng cao nhất trong 03 tuần đầu của tháng 3 do biến thể Omicron đã chiếm chủ đạo về số mắc, sau đó giảm mạnh từ cuối tháng 3 đến nay, tương đồng với một số nước trong khu vực như Malaysia và Singapore chạm đỉnh dịch vào khoảng 8 đến 9 tuần sau khi ghi nhận biến thể Omicron xâm nhập và thời gian qua số ca mắc ghi nhận theo ngày của các nước này đã có xu hướng giảm dần.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các địa phương:

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin.

- Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai báo ca bệnh tại cộng đồng, hỗ trợ triển khai các thủ tục, chính sách đối với người nhiễm bệnh và mua thuốc điều trị COVID-19.

2. Bộ Y tế: (1) Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi; (2) Tiếp tục cấp phép các loại thuốc điều trị phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế, hướng dẫn điều trị, sử dụng thuốc phù hợp; giảm thiểu các thủ tục hành chính, triển khai thống nhất trên toàn quốc để đảm bảo người dân được tiếp cận và thực hiện điều trị sớm; (3) Tăng cường hướng dẫn các biện pháp điều trị tại nhà, tại cơ sở y tế để không quá tải hệ thống y tế, nhất là tại tầng 3, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động; (4) Điều chỉnh, cập nhật các quy định về thời gian cách ly F0, F1 theo hướng không cách ly y tế tại nhà đối với người tiếp xúc gần, trừ trường hợp nghi ngờ mắc bệnh; (5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

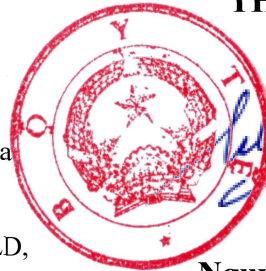
3. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về an ninh, an toàn trật tự xã hội, an sinh xã hội, vận động, huy động nguồn lực, tài chính, công tác dân vận để Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống; tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế xã hội.

4. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5-11 tuổi, vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong phạm vi, điều kiện cụ thể. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Tăng cường truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5-11 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 08/4	Số mắc ngày 09/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 09/4	Số tử vong tích lũy đến 08/4
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		39.333	34.138	(5.195)	10.161.983	42.733
1	Hà Nội	2.897	2.202	(695)	1.520.081	1.219
2	Hồ Chí Minh	443	636	193	601.116	20.475
3	Nghệ An	1.891	1.656	(235)	413.646	143
4	Bình Dương	302	489	187	381.381	3.456
5	Bắc Giang	2.052	1.956	(96)	372.998	91
6	Vĩnh Phúc	1.326	954	(372)	353.629	19
7	Hải Dương	958	820	(138)	352.893	112
8	Bắc Ninh	738	720	(18)	333.748	132
9	Quảng Ninh	1.187	1.097	(90)	322.428	138
10	Phú Thọ	1.992	1.652	(340)	298.803	89
11	Nam Định	496	410	(86)	289.903	148
12	Thái Bình	993	931	(62)	257.649	23
13	Hưng Yên	911	538	(373)	234.327	5
14	Hòa Bình	565	383	(182)	200.455	104
15	Thái Nguyên	945	793	(152)	175.485	109
16	Lào Cai	1.687	1.544	(143)	169.248	37
17	Đắc Lắc	1.381	1.210	(171)	159.946	169
18	Lạng Sơn	924	990	66	150.871	83
19	Cà Mau	432	278	(154)	147.896	351
20	Sơn La	637	520	(117)	145.348	-
21	Tuyên Quang	906	959	53	144.663	14
22	Bình Định	563	430	(133)	136.020	278
23	Thanh Hóa	189	226	37	135.900	104
24	Yên Bái	2.115	1.608	(507)	135.193	12
25	Tây Ninh	482	332	(150)	134.356	867
26	Quảng Bình	1.045	1.037	(8)	118.579	74
27	Hải Phòng	177	132	(45)	118.297	135
28	Hà Giang	760	589	(171)	117.193	79
29	Khánh Hòa	135	119	(16)	116.868	349
30	Bình Phước	392	356	(36)	115.040	216
31	Đồng Nai	24	21	(3)	106.466	1.839
32	BRVT	326	197	(129)	103.568	483
33	Đà Nẵng	453	281	(172)	98.504	326
34	Vĩnh Long	660	450	(210)	97.569	808
35	Ninh Bình	470	359	(111)	95.857	89
36	Bến Tre	533	283	(250)	94.519	465
37	Cao Bằng	843	708	(135)	89.076	52
38	Lâm Đồng		601	601	86.418	131
39	Điện Biên	427	309	(118)	84.786	19
40	Hà Nam	498	456	(42)	80.160	60

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 08/4	Số mắc ngày 09/4	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 09/4	Số tử vong tích lũy đến 08/4
41	Quảng Trị	494	408	(86)	77.261	36
42	Lai Châu	543	454	(89)	69.982	-
43	Trà Vinh	112	87	(25)	65.055	289
44	Bắc Kạn	1.408	1.118	(290)	64.817	23
45	Gia Lai	467	395	(72)	62.164	109
46	Đắk Nông	243	348	105	51.663	46
47	Bình Thuận	105	90	(15)	51.362	467
48	Phú Yên	227	236	9	51.125	130
49	Đồng Tháp	29	15	(14)	50.182	985
50	Cần Thơ	28	22	(6)	49.277	933
51	Long An	97	94	(3)	48.150	990
52	Quảng Nam	249	251	2	45.924	134
53	Bạc Liêu	86	67	(19)	45.916	462
54	Quảng Ngãi	436	322	(114)	45.401	122
55	Hà Tĩnh	490	445	(45)	45.347	46
56	T.T.Huế	252	251	(1)	45.051	172
57	An Giang	100	88	(12)	40.616	1.371
58	Kiên Giang	128	116	(12)	39.217	994
59	Tiền Giang	2	3	1	36.175	1.220
60	Sóc Trăng	31	23	(8)	34.405	619
61	Kon Tum	37	27	(10)	25.992	-
62	Hậu Giang	5	10	5	17.429	225
63	Ninh Thuận	9	36	27	8.589	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	39.333	34.138	(5.195)	10.162.185	42.733

PHỤ LỤC 3
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 08/4/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.233.028	6.009.238	0	217.293	4.361.133	702.270	679.170	18.202.132	102,6%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.699.340	1.627.234	0	578.510	448.418	173.649	174.568	4.701.719	106,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.161.850	1.198.422	98.640	292.508	469.003	154.067	147.025	3.521.515	111,4%
4	Nam Định	3.219.500	1.149.924	1.132.930	0	57.360	909.007	158.975	156.350	3.564.546	110,7%
5	Hà Nam	1.823.260	584.761	576.216	0	277.206	300.166	71.440	69.249	1.879.038	103,1%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.255	79.446	2.056.591	118,1%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	430.326	1.748.660	283.977	281.834	7.385.430	95,5%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.087.069	149.985	149.460	4.140.061	111,8%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.713	1.095.899	0	360.516	536.268	116.664	110.936	3.357.996	107,6%
10	Phú Thọ	2.512.660	1.003.167	1.000.799	0	287.369	414.578	130.499	126.587	2.962.999	117,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	795.389	774.326	0	242.994	402.159	117.004	113.134	2.445.006	106,2%
12	Hải Dương	3.347.176	1.336.379	1.292.089	6.607	101.848	667.632	157.247	155.092	3.716.894	111,0%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái Nguyên	2.452.650	916.321	888.549	12.792	208.973	352.699	111.273	108.257	2.598.864	106,0%
15	Bắc Cạn	610.140	220.571	218.520	0	14.005	117.709	25.612	24.773	621.190	101,8%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%
17	Hoà Bình	1.655.130	558.835	532.045	758	238.508	193.525	76.963	72.961	1.673.595	101,1%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	804.869	740.576	0	271.975	187.855	114.027	112.309	2.231.611	98,3%
20	Lai Châu	785.810	257.166	247.118	529	108.388	101.203	54.437	48.538	817.379	104,0%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.890	503.503	0	0	432.847	66.528	62.859	1.577.627	90,6%
22	Tuyên	1.425.200	493.748	491.893	0	35.763	346.673	70.237	67.026	1.505.340	105,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Quang										
23	Hà Giang	1.732.720	491.690	479.946	529	209.866	234.043	89.376	86.818	1.592.268	91,9%
24	Cao Bằng	1.005.520	350.870	332.800	0	73.413	127.654	45.548	41.433	971.718	96,6%
25	Yên Bái	1.640.754	518.497	509.300	0	265.402	215.087	80.195	76.190	1.664.671	101,5%
26	Lào Cai	1.539.820	467.678	457.660	0	257.368	158.083	81.663	76.631	1.499.083	97,4%
27	Sơn La	1.879.940	739.877	707.812	2.362	0	390.362	143.795	132.394	2.116.602	112,6%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%
Cộng miền Bắc		86.101.396	29.798.905	29.024.082	911.500	6.057.248	16.488.501	3.850.227	3.715.900	89.846.363	104,3%
29	Quảng Binh	1.562.332	539.552	525.338	0	176.380	214.038	81.305	76.150	1.612.763	103,2%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.546	418.058	10.622	65.595	235.112	64.995	60.335	1.288.263	98,6%
31	TT- Huế	2.428.386	787.587	768.280	0	280.827	356.198	104.595	98.695	2.396.182	98,7%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.214	856.510	0	82.226	658.412	102.158	99.989	2.664.509	106,8%
33	Quảng	3.189.860	1.085.012	1.053.536	32.417	418.104	348.527	132.605	130.337	3.200.538	100,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
	Nam										
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	812.822	0	125.013	526.255	114.198	112.187	2.543.299	92,3%
35	Bình Định	2.974.270	1.054.206	1.020.520	53.947	363.734	401.775	141.492	139.505	3.175.179	106,8%
36	Phú Yên	1.732.454	627.109	600.248	508	79.139	292.690	86.868	81.801	1.768.363	102,1%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.282	114.960	2.919.208	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.574	404.278	0	155.801	178.459	61.866	59.219	1.292.197	104,7%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.809	889.180	7.207	280.673	211.107	132.735	130.653	2.567.364	94,4%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.573.133	8.301.689	104.701	2.423.076	3.776.336	1.145.099	1.103.831	25.427.865	101,1%
40	Kon Tum	976.100	321.450	321.498	10.696	94.870	114.555	59.056	55.770	977.895	100,2%
41	Gia Lai	2.739.482	996.091	921.737	80.425	216.022	303.414	169.414	151.362	2.838.465	103,6%
42	Đắk Lắk	3.380.970	1.260.783	1.203.112	0	519.415	276.685	181.924	168.393	3.610.312	106,8%
43	Đắk Nông	1.238.580	403.319	399.800	0	212.786	142.026	68.070	65.742	1.291.743	104,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
Cộng Tây Nguyên		8.335.132	2.981.643	2.846.147	91.121	1.043.093	836.680	478.464	441.267	8.718.415	104,6%
44	TP. HCM	20.329.820	7.396.495	6.686.205	9	681.789	4.253.582	729.450	685.928	20.433.458	100,5%
45	BR-VT	2.756.626	971.107	912.285	0	28.675	656.900	110.539	109.284	2.788.790	101,2%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.839.524	2.744.433	0	178.304	691.808	284.677	274.559	7.013.305	105,2%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.407	1.280.083	131.230	105.670	825.815	156.914	158.132	3.983.251	104,2%
48	Long An	4.337.696	1.501.544	1.465.161	0	22.873	1.144.505	172.165	157.372	4.463.620	102,9%
49	Lâm Đồng	3.006.030	983.340	967.878	0	527.992	256.554	140.220	121.295	2.997.279	99,7%
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	896.212	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.595.006	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.824	927.036	6.009	343.715	312.415	110.446	103.233	2.747.678	99,3%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.374.161	1.357.181	191.821	472.541	410.350	206.909	192.281	4.205.244	102,9%
54	Bến Tre	3.005.278	1.024.597	1.013.033	0	479.651	295.285	106.936	105.492	3.024.994	100,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	519.707	98.647	94.348	2.111.123	100,6%
56	Vĩnh Long	2.337.120	779.033	765.619	0	290.698	349.957	92.890	88.112	2.366.309	101,2%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.161.088	1.201.523	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.347.982	91,5%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình Phước	2.292.174	753.459	723.118	0	221.711	262.527	109.584	100.949	2.171.348	94,7%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.176.657	68.972	0	720.303	167.347	159.082	3.530.463	93,1%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.584.224	568.689	560.861	0	181.136	225.643	88.829	86.211	1.711.369	108,0%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.801	514.817	0	254.239	135.810	74.042	71.613	1.583.322	103,5%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.464.511 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 370.508 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 08/4/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	80,0%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	31,1%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,3%	37,7%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	78,4%	99,8%	98,2%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,5%	94,1%	49,0%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	79,3%	99,5%	98,7%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	84,9%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,6%	46,8%	100,0%	95,1%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	41,0%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,6%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	96,1%	49,7%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	38,4%	100,0%	100,0%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,0%	99,3%	53,5%	100,0%	98,3%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	98,0%	93,3%	33,9%	100,0%	99,0%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	93,1%	23,6%	98,8%	97,3%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,7%	100,0%	92,4%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,4%	85,5%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	71,0%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	97,9%	47,8%	99,4%	96,5%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,2%	34,6%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,2%	100,0%	96,2%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	35,5%	100,0%	95,9%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	96,0%	52,9%	100,0%	93,4%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	57,2%	100,0%	98,1%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,6%	97,0%	39,5%	100,0%	95,7%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,6%	92,2%	51,8%	99,2%	92,1%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,5%	45,7%	100,0%	95,7%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,8%	74,4%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,9%	97,0%	32,1%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,3%	61,7%	99,4%	97,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,5%	91,5%	36,0%	96,6%	95,2%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,4%	45,1%	100,0%	95,5%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,2%	90,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,7%	43,6%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,5%	23,4%	100,0%	101,3%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	99,3%	96,2%	43,8%	99,4%	95,8%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,9%	33,8%	97,2%	91,8%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	97,0%	31,9%	100,0%	90,9%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,6%	95,0%	21,9%	97,9%	90,6%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	35,1%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,2%	28,3%	99,3%	91,6%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	62,3%	87,7%	82,5%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,4%	68,7%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	100,0%	27,8%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	63,5%	99,0%	99,8%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,8%	100,0%	93,9%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,6%	26,4%	100,0%	92,0%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,9%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	97,8%	33,0%	98,0%	91,6%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,0%	98,9%	29,9%	100,0%	96,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,5%	28,4%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	74,4%	100,0%	98,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,6%	45,5%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,5%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	34,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,9%	60,5%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	98,0%	39,4%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,3%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	99,7%	48,0%	100,0%	92,4%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 07/4/2022 đến 16h00 ngày 08/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.459 lượt người (nhập cảnh: 2.701, xuất cảnh: 2.758).
- + Tuyến VN-TQ: 473 lượt người (nhập cảnh: 190, xuất cảnh: 283).
- + Tuyến VN-Lào: 2.023 lượt người (nhập cảnh 1.019, xuất cảnh: 1.004).
- + Tuyến VN-CPC: 2.963 lượt người (nhập cảnh 1.492; xuất cảnh: 1.471).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 910 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 784 người (VN-TQ: 15; VN-Lào: 87, VN-CPC: 682).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 98 người (VN-TQ: 03; VN-Lào: 0, VN-CPC: 95).
 - + Số người trao trả: 28 người (VN-TQ: 28; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 05/4/2022 tới ngày 06/4/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 4.737 lượt người (nhập cảnh: 3.170 lượt người; xuất cảnh: 1.567 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 6.785 lượt người (nhập cảnh: 3.706 lượt người; xuất cảnh: 3.079 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 09/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 23 tin/bài tiếng Việt; 97 ảnh trong nước và quốc tế; 07 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 03 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Tính đến hết 07/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.568.000 cuộc gọi (ngày 07/4 đã tiếp nhận và xử lý gần 3 nghìn cuộc gọi).

28/3	29/3	30/3	31/3	01/4	02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4
3125	3235	3086	3165	2898	2630	1849	2864	3028	2898	2853

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 07/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 07/4/2022 đã tiếp nhận 21 cuộc).

Tiêu chí	28/3	29/3	30/3	31/3	01/4	02/4	03/4	04/4	05/4	06/4	07/4
Cuộc gọi đến	29	27	21	16	22	17	12	18	15	13	21

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 43.074.620, chiếm 44,90% dân số, 64,59% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.786.722 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 277.291.691

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 208.244.568

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 195.742.326

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.711.738

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương...

- Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc giảm.

(2) Công tác phòng, chống dịch tại địa phương:

- **TP. Hà Nội:** Căn cứ vào tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn, UBND thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, các đơn vị, tổ chức và người dân thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới; yêu cầu các sở, ngành, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, người dân thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ Y tế (trong đó thực hiện nghiêm việc đeo khẩu trang và khử khuẩn) và các biện pháp phòng, chống dịch của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương; các cơ quan, đơn vị thường xuyên tự đánh giá nguy cơ và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

Đáng chú ý, đối với các loại hình kinh doanh dịch vụ như: Karaoke, massage, quán bar, trò chơi điện tử, internet hoạt động trở lại từ 0h ngày 08/4/2022 nhưng phải bảo đảm các điều kiện theo quy định.

- **Son La:** Những ngày qua, số ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sơn La giảm xuống dưới 1.000 ca so với 4.000 - 6.000 mỗi ngày của tháng trước.

Mặc dù số ca mắc mới giảm mạnh, tuy nhiên, tỉnh yêu cầu cấp ủy, chính quyền các cấp tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; đẩy mạnh tuyên truyền người dân không chủ quan lơ là, mất cảnh giác với dịch bệnh.

Về công tác tiêm vắc-xin cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi, giao ngành Giáo dục và Đào tạo khẩn trương phối hợp với ngành Y tế tuyên truyền ý nghĩa, lợi ích của hoạt động tiêm vắc-xin phòng COVID-19 đến phụ huynh, học sinh; đẩy mạnh rà soát, lập danh sách học sinh đủ điều kiện tiêm với mục tiêu “tiêm đến đâu an toàn đến đấy”; chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện ngay khi vắc-xin được phân bổ.

(3) Thông tin khác:

+ Theo Bộ Y tế, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Từ cuối tháng 12/2021, sau khi ghi nhận ca mắc đầu tiên biến thể Omicron, số mắc cả nước tăng cao nhất trong 3 tuần đầu của tháng 3/2022 do biến thể Omicron đã chiếm chủ đạo về số mắc, sau đó giảm mạnh từ cuối tháng 3 đến nay.

Trong 3 tuần qua, số ca nhiễm, ca nặng và tử vong tại các tỉnh, thành phố có xu hướng giảm từng ngày, trong đó, từ 150.000 ca mắc mới mỗi ngày xuống còn trên dưới 50.000 ca mỗi ngày, số trường hợp mắc tăng nhiều hơn ở nhóm chưa tiêm vắc-xin phòng COVID-19; số ca nặng từ hơn 3.600 ca xuống còn hơn 1.500 ca đang điều trị tại bệnh viện; số tử vong từ hơn 50 ca mỗi ngày xuống còn hơn 30 ca mỗi ngày.

+ Tại buổi điện đàm với Bộ trưởng Bộ Y tế Việt Nam, Giám đốc WHO khu vực Tây Thái Bình Dương đánh giá cao những kết quả Việt Nam đã đạt được trong thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19... Giám đốc WHO khu vực Tây Thái Bình Dương cũng bày tỏ ấn tượng với những nỗ lực và thành quả nói chung của Việt Nam trong công tác y tế.

+ Theo yêu cầu của Bộ Y tế, từ ngày 08/4, các cơ sở tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19 bắt đầu thực hiện ký số, từ 15/4, Bộ Y tế sẽ thực hiện ký tập trung để cấp “Hộ chiếu vắc-xin” cho người dân.

Về việc cấp “Hộ chiếu vắc-xin” được người dân quan tâm để phục vụ các nhu cầu đi lại, đặc biệt là ra nước ngoài, Bộ Y tế cho biết, ngày 20/12/2021, Bộ đã ban hành Quyết định số 5772/QĐ-BYT về biểu mẫu và quy trình cấp “Hộ chiếu vắc-xin”.

Ngay sau đó, Bộ Y tế đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông cùng với các đơn vị liên quan xây dựng chức năng trên Nền tảng Quản lý tiêm chủng COVID-19 và các hệ thống liên quan phục vụ cho việc ký số và cấp “Hộ chiếu vắc-xin”. Đến nay cơ bản các hệ thống đã hoàn thành, sẵn sàng cho việc cấp “Hộ chiếu vắc-xin” cho người dân trên cả nước.

+ Báo chí thông tin cho biết, dự kiến ngày 09/4, gần 1 triệu liều vắc-xin phòng COVID-19 tiêm cho trẻ từ 5 - dưới 12 tuổi về đến Việt Nam. Theo đó, gần một triệu liều vắc-xin cho trẻ 5-11 tuổi này là do Chính phủ Úc tài trợ. Đây là lô đầu tiên trong số vắc-xin tiêm cho trẻ ở độ tuổi từ 5 - dưới 12 tuổi của Việt Nam. Sau đó vài ngày, công tác tiêm chủng sẽ được triển khai trước tiên cho trẻ khối tuổi lớp 6. Dự kiến lô vắc-xin thứ 2 sẽ về vào ngày 13/4 và lô thứ 3 sẽ về trước ngày 18/4.